

Bản án số: 61/2017/HSST
Ngày 29/12/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH QUẢNG NAM**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tự Soái

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lương Đức Hiền**- Phó trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Đ.
2. Bà **Nguyễn Thị Bích Thủy**- Ủy viên ban thường vụ huyện Đoàn huyện Đ.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Nguyệt Sương, cán bộ Tòa án nhân dân huyện Đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Thu, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 52/2017/HSST ngày 10 tháng 11 năm 2017 đối với bị cáo:

Nguyễn T, sinh ngày 01 tháng 12 năm 2000 tại thị trấn A, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú: khu 8, thị trấn A, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; Trình độ văn hóa: Không biết chữ; Nghề nghiệp: Không; Con ông không xác định và bà Nguyễn Thị Đ; Chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo tại ngoại; có mặt tại phiên tòa.

** Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Nguyễn T:*

Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1968; Trú tại: khu 8, thị trấn A, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam (là mẹ ruột của bị cáo T); có mặt tại phiên tòa.

** Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn T:*

Bà Nguyễn Thị Hồng T; Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Nam, Chi nhánh huyện Đ; có mặt tại phiên tòa.

** Người bị hại:*

1. Bà Lê Thị Thu U, sinh năm 1981; Trú tại: khu 7, thị trấn A, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; vắng mặt tại phiên tòa.

2. Ông Phan C, sinh năm 1959; Trú tại: khu 7, thị trấn A, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam (Đại diện Hội đồng gia tộc Phan Văn theo ủy quyền); có mặt tại phiên tòa.

NHẬN THẤY:

Bị cáo Nguyễn T bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Quảng Nam truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Vào tối ngày 29 tháng 4 năm 2017, Nguyễn T lợi dụng lúc siêu thị Umart tại khu 7, thị trấn A, huyện Đ đông khách, không có bảo vệ nên T đã lén lút đột nhập vào siêu thị và trốn trong kho hàng. Đến khuya khi mọi người đóng cửa siêu thị ra về,

Nguyễn T lục tìm tài sản để trộm cắp, T phát hiện trong ngăn kéo tại quầy thu ngân có 8.500.000 đồng, T lấy số tiền trên và mở cửa sau của siêu thị để tẩu thoát. Sau đó, T dùng số tiền trên mua một cái quần jean lửng hết 100.00 đồng. Sáng ngày 30 tháng 4 năm 2017, bà Lê Thị Thu U là chủ siêu thị Umart mở cửa để bán hàng thì phát hiện bị mất trộm số tiền trên. Qua kiểm tra camera tại siêu thị và làm việc với T thì T đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản tại siêu thị Umart và giao nộp số tiền còn lại là 8.400.000 đồng.

Vật chứng của vụ án thu giữ:

+ 01 quần jean lửng màu xanh chưa qua sử dụng, hiện đang được tạm giữ tại kho vật chứng của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

+ Số tiền 8.400.000 đồng cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã trao trả cho bà Lê Thị Thu U.

Trong thời gian tại ngoại, Nguyễn T tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại nhà thờ Phan Văn, cụ thể như sau: Vào sáng ngày 08 tháng 6 năm 2017, Nguyễn T đi bộ đến nhà thờ tộc Phan Văn thuộc khu 7, thị trấn A, huyện Đ. Tại đây, Nguyễn T lén lút đột nhập vào khuôn viên nhà thờ và nhặt 01 cây sắt gần đó cạy cửa bên hông nhà thờ, rồi vào bên trong gian thờ cạy tủ dưới bệ thờ lấy toàn bộ lư đồng bao gồm: 02 bộ lư đồng loại lớn; 18 đĩa chậu đèn bằng đồng các loại; 08 bộ chân đèn các loại; 03 nắp lư loại nhỏ và trung và 05 đế lư các loại rồi bỏ vào ba bao tải màu trắng nhặt gần đó. Sau đó, T giấu hai bao bên ngoài tường rào của cơ quan các Hội đoàn thể huyện Đ, còn một bao T mang đi tiêu thụ, nhưng do quá nặng và sợ bị phát hiện nên T đã vứt bao đựng tài sản bị trộm cắp xuống chân cầu A. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, T đón xe taxi từ cầu A đến cơ quan các Hội đoàn thể huyện Đ để mang tài sản trộm cắp có được đi tiêu thụ. Khi đến nơi, T xuống xe đến lấy tài sản thì bị anh Nguyễn Hồ T (SN: 1986) và Nguyễn Hữu T (SN: 1976) cùng trú tại khu 7, thị trấn A phát hiện truy hô nên T bỏ chạy.

Vật chứng của vụ án thu giữ:

+ 02 đế lư hình chữ nhật cao 7,5cm, rộng (14 x 11,5)cm, hẹp (12,5 x 11)cm, dày 1,5mm;

+ 01 đế lư hình chữ nhật cao 8,5m, rộng (17 x 14,5)cm, hẹp (11,5 x 14)cm, dày 1,5mm;

+ 01 đế lư hình chữ nhật cao 10cm, rộng (16 x 14)cm, hẹp (11 x 13)cm, dày 1,5mm;

+ 01 đế lư hình chữ nhật cao 11cm, rộng (19 x 15)cm, hẹp (15 x 13)cm, dày 1,5mm;

+ 01 đế lư hình tròn cao 09cm, rộng 22cm, hẹp 18cm, dày 2mm;

+ 02 nắp lư hình chữ nhật cao 06cm, rộng (11 x 9,5)cm;

+ 01 nắp lư hình chữ nhật cao 09cm, rộng (13 x 10,5)cm;

+ 06 đèn hình tròn cao 32cm, chiều rộng của đế đèn 15cm, hẹp 06cm;

+ 02 đèn hình tròn cao 37,5cm, chiều rộng của đế đèn 16cm, hẹp 07cm;

+ 03 đĩa đèn hình tròn, đường kính 18cm.

Tất cả vật chứng trên, cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ được và trao trả cho chủ sở hữu.

+ 01 thanh sắt dài 1,15m, đường kính 16mm, một đầu được uốn cong hình chữ L; 02 bao tải màu trắng. Hiện đang được tạm giữ tại kho vật chứng của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

+ 01 bao tải trong đó đựng 02 bộ lư lớn hình chữ nhật (gồm: 02 đèn, 01 đế lư, 01 nồi lư và nắp lư, 01 con lân, 02 chùm đèn); 07 đĩa đèn hình tròn đường kính 18cm; 08 đĩa đèn hình tròn đường kính 22cm. Sau khi trộm cắp được, T đã bỏ xuống chân cầu A, Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng không có kết quả.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 34/HĐĐG ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Đ kết luận giá trị tài sản: Phần tài sản bị mất Cơ quan điều tra đã thu giữ được là 3.250.000 đồng, tài sản bị mất chưa tìm được trị giá 7.900.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 11.150.000 đồng.

Ngoài hai hành vi phạm tội như trên, quá trình điều tra Nguyễn T còn khai nhận trong tháng 4 năm 2017 đã hai lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại chợ A, huyện Đ, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Vào tối ngày 24 tháng 4 năm 2017, Nguyễn T gặp một đối tượng (khoảng 12 đến 13 tuổi, không rõ họ tên, địa chỉ) ở quán Internet, tại đây cả hai rủ nhau đến chợ A trộm cắp tài sản. Đến khuya, cả hai đi bộ đến chợ A và đột nhập vào nhà lồng đến quầy bán vải, quần áo trộm cắp được 400.000 đồng và chia nhau tiêu xài cá nhân.

Vụ thứ hai: Vào tối ngày 28 tháng 4 năm 2017, Nguyễn T gặp một thanh niên và đối tượng nói trên tiếp tục đến chợ A và đột nhập vào nhà lồng, đến quầy bán quần áo trộm được 400.000 đồng và chia nhau tiêu xài cá nhân.

Tại Bản kết luận giám định pháp y tâm thần số 470/KLGĐTC ngày 01 tháng 8 năm 2017 của Trung tâm pháp y tâm thần khu vực miền trung kết luận: Trước, tại thời điểm gây án và tại thời điểm hiện tại, Nguyễn T về mặt y học: Chậm phát triển tâm thần mức độ trung bình (F71)/Động kinh (G40); về mặt pháp luật: Hạn chế khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi, nhưng vẫn chịu trách nhiệm hình sự.

Về dân sự: Xét thấy hoàn cảnh gia đình Nguyễn T khó khăn nên bị hại không yêu cầu bồi thường thiệt hại.

Với nội dung trên tại bản Cáo trạng số 49/CT-VKS ngày 10 tháng 11 năm 2017, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố bị cáo Nguyễn T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, bị cáo Nguyễn T khai nhận: Vào tối ngày 29 tháng 4 năm 2017, bị cáo đột nhập vào siêu thị Umart tại khu 7, thị trấn A, huyện Đ do bà Lê Thị Thu U là chủ siêu thị trộm cắp số tiền 8.500.000 đồng. Ngoài ra, vào sáng ngày 08 tháng 6 năm 2017, bị cáo tiếp tục đột nhập vào nhà thờ Phan Văn tại khu 7, thị trấn A, huyện Đ trộm cắp toàn bộ lư đồng với tổng giá trị thiệt hại là 11.150.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Nguyễn T về tội “*Trộm cắp tài sản*” và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 138; các điểm b, h, n, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 69, Điều 74 và Điều 60 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo mức án tù 06 tháng 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng. Về vật chứng của vụ án là 01 thanh sắt dài 1,15m, đường kính 16mm, một đầu được uốn cong hình chữ L và 02 bao tải màu trắng mà bị cáo

Nguyễn T dùng để thực hiện việc phạm tội trộm cắp tài sản không có giá trị sử dụng nên đề nghị Hội đồng xét xử xét tịch thu tiêu hủy theo quy định Điều 41 của Bộ luật hình sự và Điều 76 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trả lại cho bị cáo Nguyễn T một cái quần jean lửng.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn T có luận cứ, khi phạm tội bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, mới phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tại phiên tòa hôm nay thành khẩn khai báo, tỏ rõ sự ăn năn hối cải, số tiền trộm cắp đã thu hồi trả lại cho người bị hại và người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Thời điểm thực hiện việc phạm tội trộm cắp tài sản bị cáo hạn chế khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi. Bị cáo là người chưa thành niên nên sự phát triển về thể chất và tinh thần chưa hoàn thiện, nên việc nhận thức pháp luật còn hạn chế đã có hành vi vi phạm pháp luật. Đối với người phạm tội là người chưa thành niên thì chính sách pháp luật của Nhà nước nhằm giáo dục là chính nên đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo ở mức thấp nhất của khung hình phạt theo như đề xuất của đại diện Viện kiểm sát.

Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với kết quả xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, phù hợp với lời khai các người bị hại, những người làm chứng; Bản kết luận định giá tài sản số 34/HĐĐG ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện Đ; Bản kết luận giám định pháp y tâm thần số 470/KLGĐTC ngày 01 tháng 8 năm 2017 của Trung tâm pháp y tâm thần khu vực miền trung; cùng với các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập hợp pháp có tại hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận bị cáo Nguyễn T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự, như Cáo trạng số 49/CT-VKS ngày 10 tháng 11 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố đối với bị cáo Nguyễn T là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra thì thấy:

Tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo hộ, đồng thời xử phạt nghiêm minh những ai có hành vi xâm phạm bất hợp pháp đến quyền sở hữu tài sản đó. Do thiếu sự quản lý, giáo dục của gia đình nên bị cáo sớm hư hỏng và đi vào con đường phạm tội. Phương thức thủ đoạn của bị cáo lợi dụng sự sơ hở, mất cảnh giác của chủ sở hữu trong việc quản lý tài sản, bị cáo lén lút thực hiện hành vi trộm cắp tài sản để lấy tiền tiêu xài cá nhân. Hành vi mà bị cáo gây ra là hết sức nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, mà còn gây ra nhiều tác hại xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Do vậy, theo quy định của pháp luật cần phải xử phạt bị cáo mức án tương xứng với hành vi mà bị cáo gây ra để có điều kiện cải tạo, giáo dục riêng, đồng thời răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội.

Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy:

Bị cáo thực hiện việc phạm tội trộm cắp tài sản nhiều lần, nên áp dụng tình tiết tăng nặng theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự. Tuy nhiên xét thấy, khi phạm tội bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, mới phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay thành khẩn khai báo, tỏ rõ sự ăn năn hối cải, tài sản trộm cắp đã thu hồi trả lại cho người bị hại và người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo không biết chữ, bản thân bị hạn chế khả năng nhận thức và khả năng điều

khuyến hành vi, Khi thực hiện việc phạm tội bị cáo là người chưa thành niên, sự phát triển thể chất và tinh thần chưa hoàn thiện, nên việc nhận thức pháp luật còn hạn chế.

Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm b, h, n, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự, bị cáo có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng, việc không bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù không ảnh hưởng xấu trong việc đấu tranh phòng chống tội phạm. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy chỉ cần áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách và giao cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú, giám sát cũng đủ có tác dụng cải tạo bị cáo trở thành công dân tốt cho xã hội, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật Nhà nước đối với người phạm tội là người chưa thành niên.

Tại phiên tòa hôm nay quan điểm bào chữa cho bị cáo Nguyễn T của bà Nguyễn Thị Hồng T, trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Quảng Nam, chi nhánh huyện Đ là có cơ sở nên Hội đồng xét xử sẽ xem xét trong quá trình nghị án.

Riêng hai lần Nguyễn T và đồng bọn đã thực hiện hành vi trộm cắp vào các ngày 24 tháng 4 năm 2017 và 28 tháng 4 năm 2017 tại chợ A. Trong quá trình điều tra không xác định được người bị hại, số tiền trộm cắp chưa đủ định lượng và cũng chưa xác định được nhân thân, lai lịch của đối tượng cùng trộm cắp với Nguyễn T, khi điều tra làm rõ xử lý sau nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về trách nhiệm dân sự: Xét thấy hoàn cảnh gia đình bị cáo Nguyễn T khó khăn và bị hại không yêu cầu bồi thường thiệt hại, Hội đồng xét xử không xem xét.

Về vật chứng: Tang vật của vụ án là 01 thanh sắt dài 1,15m, đường kính 16mm, một đầu được uốn cong hình chữ L và 02 bao tải màu trắng mà bị cáo Nguyễn T dùng để thực hiện việc phạm tội trộm cắp tài sản không có giá trị sử dụng, Hội đồng xét xử xét thấy cần tịch thu tiêu hủy. Riêng một cái quần jean lửng trả lại cho bị cáo Nguyễn T.

Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về Án phí, lệ phí Tòa án. Do bị cáo Nguyễn T là người chưa thành niên và không có tài sản riêng nên buộc mẹ ruột bị cáo là bà Nguyễn Thị Đ đại diện hợp pháp cho bị cáo có trách nhiệm nộp thay số tiền án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 138; các điểm b, h, n, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 69; Điều 74 và Điều 60 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn T **09 (chín)** tháng tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách là **18 (mười tám)** tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 29 tháng 12 năm 2017.

Giao bị cáo Nguyễn T cho Ủy ban nhân dân thị trấn A, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

*** Về xử lý vật chứng:** Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 41 của Bộ luật hình sự và điểm đ khoản 2 Điều 76 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tuyên tịch thu, tiêu hủy 01 (một) thanh sắt dài 1,15m, đường kính 16mm, một đầu được uốn cong hình chữ L và 02 (hai) bao tải màu trắng.

Tuyên trả cho bị cáo Nguyễn T 01 (một) cái quần jean lửng.

(Tất cả vật chứng hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ quản lý).

*** Về án phí:** Áp dụng Điều 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; buộc bị cáo Nguyễn T phải nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Do bị cáo Nguyễn T là người chưa thành niên và không có tài sản riêng nên buộc mẹ ruột bị cáo là bà Nguyễn Thị Đ có trách nhiệm nộp thay số tiền án phí nêu trên.

Án xử sơ thẩm, báo cho bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bị hại có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Q.Nam;
- VKSND huyện Đ;
- Công an huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Sở tư pháp tỉnh Q. Nam;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Lê TỰ Soái

